

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 252/2021/DS-PT

Ngày 30 - 12 - 2021

V/v tranh chấp bồi thường thiệt hại
do tài sản bị xâm phạm

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thị Ngọc Hương

Ông Phạm Kim Cúa

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Triệu Anh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 172/2020/TLPT-DS ngày 15 tháng 11 năm 2021 về “*Tranh chấp về bồi thường thiệt do tài sản bị xâm phạm*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 54/2021/DS-ST ngày 06 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 228/2021/QĐ-PT ngày 01 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1961 (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1965 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số nhà 67/4, ấp Q, xã H, huyện T, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Theo Bản án phúc thẩm số 214/2019/DS-PT ngày 03/7/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre đã quyết định giao cho bà H diện tích 2.562,2m² thuộc một phần thửa 117, tờ bản đồ số 16, tọa lạc ấp Q, xã H, huyện T. Diện tích đất này bà H sử dụng từ năm 1984 đến nay nhưng mẹ bà H là bà Huỳnh Thị T là người đứng tên

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Từ năm 1984 đến nay bà H là người trực tiếp sử dụng đất. Năm 2012 bà T chết nên bà Nguyễn Thị L1 (là em của bà H và bà L) khởi kiện tranh chấp yêu cầu chia thừa kế đối với diện tích đất nêu trên. Năm 2013 bà H thuê người lên liếp trồng dừa thì bị bà Nguyễn Thị L ngăn cản, lúc đó bà H đã đặt mua dừa giống để trồng, hợp đồng thuê người phát hoang cỏ dại, hợp đồng với bà Nguyễn Thị T1 cho bà T1 thuê đất trồng cỏ nhưng mỗi lần vào làm thì đều bị bà L ngăn cản. Nay bà H yêu cầu bà L phải bồi thường cho bà H các khoản với tổng số tiền 67.000.000 đồng, cụ thể như sau:

- Tiền mất thu nhập là 7.000.000 đồng/năm x 08 năm tính từ năm 2012 đến năm 2020 là 56.000.000 đồng.

- Tiền dừa giống: bà H đặt mua 03 lần dừa giống, mỗi trái là 10.000 đồng x 300 trái = 3.000.000 đồng. Số dừa này để lâu rồi chết dần, không trồng được.

- Tiền thuê người phát hoang cỏ dại toàn bộ diện tích nêu trên là 2.000.000 đồng, khi người ta đến làm thì bà L ngăn cản nên không làm được nhưng bà H vẫn phải trả toàn bộ số tiền là 2.000.000 đồng.

- Tiền thuê người lên liếp và lên mô để trồng dừa là 6.000.000 đồng, do bà L ngăn cản nên bà H phải trả toàn bộ tiền cho người ta.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/5/2021, bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Diện tích 2562,2m² thuộc một phần thửa 117 tờ bản đồ số 16, tọa lạc ấp Q, xã H, huyện T là của mẹ là bà Nguyễn Thị T, mẹ bà là người trực tiếp sử dụng. Ngày 15/4/2012 mẹ bà chết nên các chị, em của bà đã thống nhất giao cho bà Nguyễn Thị L1 sử dụng, bà L1 sử dụng khoảng 03 tháng thì bà H lấy lại sử dụng nên bà L1 tranh chấp chia thừa kế với bà H tại Tòa án nhân dân huyện T và Tòa án đã thụ lý giải quyết vụ án. Khi Tòa án chưa giải quyết thì khoảng đầu năm 2019 bà H thuê người lên liếp diện tích đất nêu trên nên bà có thông báo cho bà L1 biết (lúc này bà L1 sinh sống ở tỉnh Cà Mau), bà L1 có đến Tòa án báo là đất có tranh chấp nên Tòa án nhân dân huyện T và Công an xã H đến lập biên bản đề nghị bà H tạm ngưng cải tạo đất tranh chấp, khi đó bà không có tham gia.

Ngày 05/4/2019, Tòa án nhân dân huyện T xét xử, Bản án sơ thẩm số 98/2019/DS-ST ngày 05/4/2019 quyết định giao phần đất nêu trên cho bà H sử dụng nhưng bà H phải chia giá trị thành tiền cho bà L1, bà C, bà C1 và bà với số tiền là 61.777.166 đồng. Bà H không đồng ý với bản án sơ thẩm nên kháng cáo. Tại bản án số 214/2019/DS-PT ngày 03/7/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre tuyên xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Năm 2020, Chi Cục Thi hành án dân sự huyện T ra quyết định thi hành án do bà H không tự nguyện thi hành án. Sau đó, Chi Cục Thi hành dân sự huyện T ra quyết định cưỡng chế thi hành án đối với bà H và bán đấu giá 1000,3m² thuộc một phần thửa 117, tờ bản đồ số 16, tọa lạc ấp Q, xã H, huyện T theo quy định. Ông Liêu Hoàng Sơn (chồng của bà) là người mua trúng đấu giá diện tích 1000,3m², khi đo đạc tách thửa thuộc thửa 345 tờ bản đồ số 16 tọa lạc ấp Q, xã H, huyện T và 27 cây dừa do bà H trồng trên đất, phần còn lại là 1559m² và 31 cây dừa trên đất là của bà H.

Từ trước đến nay bà không ngăn cản bà H khi bà H thuê người phát hoang cỏ dại, trồng dừa, lên liếp trồng dừa, không ngăn cản bà H khi Hồng bà T1 thuê đất, người ngăn cản là bà L1 (là nguyên đơn trong vụ án tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất), do lúc đó đất còn tranh chấp, Tòa án đang chưa giải quyết xong. Do đó, bà không đồng ý bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của bà H do bà không gây thiệt hại cho bà H.

Do hoà giải không thành, Tòa án nhân dân huyện T đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 54/2021/DS-ST ngày 06 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bến Tre, quyết định:

Căn cứ vào Điều 26; điểm b, khoản 1 Điều 35; các Điều 39, 147, 227, 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án. Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ bồi thường cho bà Nguyễn Thị H số tiền là 67.000.000 đồng.

Ngày 18/10/2021, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về nội dung: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H cho rằng, bà là chủ sử dụng đất diện tích 2562,2m² thuộc một phần thửa 117, tờ bản đồ số 16, tọa lạc ấp Q, xã H, huyện T, tỉnh Bến Tre. Bà trực tiếp sử dụng đất từ năm 1984 đến nay nhưng do mẹ bà là Huỳnh Thị T người đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2013 bà sử dụng đất thì bị bà L cản trở gây thiệt hại cho bà nên bà yêu cầu bà L phải bồi thường cho bà các khoản với số tiền là 67.000.000 đồng, bao gồm: tiền mất thu nhập trong 08 năm là 56.000.000 đồng, tiền dừa giống 3.000.000 đồng, tiền thuê người phát hoang cỏ dại 2.000.000 đồng, tiền thuê người lên liếp trồng dừa 6.000.000 đồng. Bị đơn bà Nguyễn Thị L cho rằng: Từ trước đến nay bà không ngăn cản bà H sử dụng đất, mà do bà Nguyễn Thị L1 là nguyên đơn trong vụ án tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất ngăn cản. Do bà không có gây thiệt hại cho bà H nên không đồng ý bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của bà H.

[2] Xét thấy, căn cứ vào Bản án dân sự sơ thẩm số 98/2019/DS-ST ngày 05/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện T và Bản án dân sự phúc thẩm số 214/2019/DS-PT ngày 03/7/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre (BL 11-25) thể hiện: Phần đất diện tích 2562,2m² thuộc một phần thửa 117, tờ bản đồ số 16, tọa lạc ấp Q, xã H, huyện T, tỉnh Bến Tre có nguồn gốc của bà Huỳnh Thị T (mẹ bà Nguyễn Thị H và Nguyễn Thị L). Bà T là người trực tiếp đăng ký kê khai và đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2012 bà T chết, các con của bà T có tranh chấp chia thừa kế là quyền sử dụng đất trong đó có phần đất nêu trên. Bà H cho rằng phần đất nêu trên là của bà nhưng bà không cung cấp được chứng cứ để chứng minh.

Ngoài ra, quá trình tố tụng bà H và bà L đều thừa nhận, năm 2012 bà L1 tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất nêu trên với bà H, bà Nguyễn Thị C và bà Nguyễn Thị S. Năm 2013 bà H thuê người phát hoang cỏ dại, mua dừa giống, lên liếp, lên mô trồng dừa và cho thuê đất. Như vậy, có căn cứ xác định bà H cải tạo đất khi các bên đang tranh chấp là làm thay đổi hiện trạng đất nên việc bà L thông báo cho bà L1 để bà L1 yêu cầu Tòa án đề nghị bà H tạm ngưng cải tạo đất là đúng quy định.

Đồng thời, căn cứ vào Bản án số 214/2019/DS-PT ngày 03/7/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre thì bà H được chia diện tích đất nêu trên kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Do đó, việc bà H cho rằng bà là chủ sở hữu, là người quản lý diện tích đất nêu trên từ năm 2012 đến năm 2020 là không phù hợp.

Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, bà H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh bà L gây thiệt hại cho bà H, việc bà H yêu cầu bà L bồi thường thiệt hại tài sản với số tiền 67.000.000 đồng là không có căn cứ nên không được chấp nhận. Bà H kháng cáo nhưng cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên không được chấp nhận.

[3] Quan điểm của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tại phiên toà phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm: Bà H phải chịu chi phí tố tụng và do bà H là người cao tuổi nên được miễn án phí sơ thẩm, phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 54/2021/DS-ST ngày 06 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bến Tre.

Cụ thể tuyên:

Căn cứ vào Điều 26; điểm b, khoản 1 Điều 35; các Điều 39, 147, 227, 228 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án. Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị L bồi thường thiệt hại cho bà Nguyễn Thị H số tiền là 67.000.000 đồng.

2. Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị H phải nộp là 400.000 đồng và đã nộp xong.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H được miễn.

Chi Cục thi hành án dân sự huyện T hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.675.000 (một triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0005621 ngày 08 tháng 02 năm 2021.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị H được miễn.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Ngọc Dũng